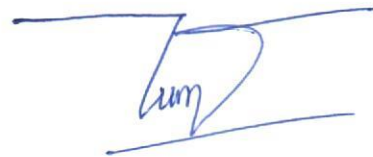


**ÔNG HOÀNG THẾ TRUNG**  
**ĐỊA CHỈ: THÔN 2 THANH MỸ, XÃ THANH THỦY**  
----- 2023 -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA CƠ SỞ: KHU CÁCH LY GÀ THƯƠNG PHẨM**  
**ĐỊA ĐIỂM: THÔN 2 THANH TÂN, XÃ THANH THỦY, HUYỆN LỆ THỦY**

**CHỦ CƠ SỞ**



**Hoàng Thế Trung**

*Lệ thủy, tháng 01 năm 2024*

## Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 1. Tên chủ sở hữu: ông Hoàng Thế Trung

- Địa chỉ văn phòng: xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
- Điện thoại: 0983200777
- Giấy chứng nhận đầu tư/ đăng ký kinh doanh số: 3101908565 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 27 tháng 01 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 01 tháng 11 năm 2021.

### 2. Tên dự án đầu tư: Khu cách ly gà thương phẩm

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: thôn 2 Thanh Tân, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Dự án Khu cách ly gà thương phẩm của Hộ kinh doanh ông Hoàng Thế Trung được xây dựng trên đất thuê của ông Nguyễn Văn Phóng (lô đất số 01, 02). Diện tích đất thuê là: 43.980m<sup>2</sup>, đã được UBND huyện Lệ Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 048730, ngày 09/6/2010.

- Quy mô của cơ sở:

\* Quy mô của cơ sở: Tổng diện tích bề mặt của cơ sở hộ ông Hoàng Thế Trung Thủy: 6.210m<sup>2</sup>

+ Diện tích nhà quản lý: 70m<sup>2</sup>

+ Khu chuồng trại gồm 4 dãy chuồng: 6.000m<sup>2</sup>

+ Kho để thức ăn: 40 m<sup>2</sup>

+ Diện tích sân, đường nội bộ: 50m<sup>2</sup>

+ Khu tập kết rác thải: 50 m<sup>2</sup>

\* Tổng vốn đầu tư: 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng). Theo quy định khoản 3 điều 10 luật đầu tư công số 39/2019/QH14, đây là dự án thuộc nhóm C. Theo khoản 1 điều 39 luật Bảo vệ Môi trường 72/2020/QH14 đây là dự án phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

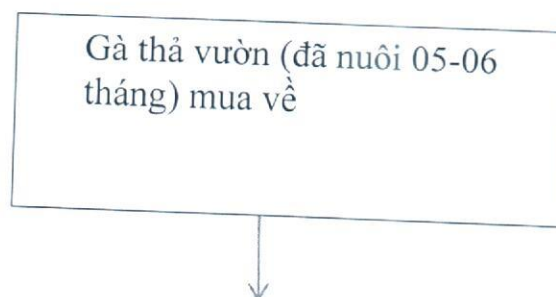
### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

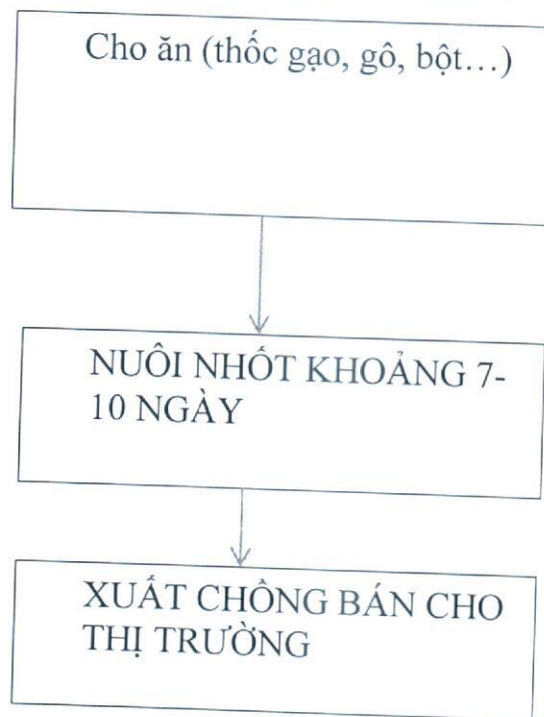
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: Cơ sở có công suất sản phẩm: Mỗi năm cung cấp cho thị trường khoảng 80.000-100.000 con gà thương phẩm/năm

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình chăn nuôi:

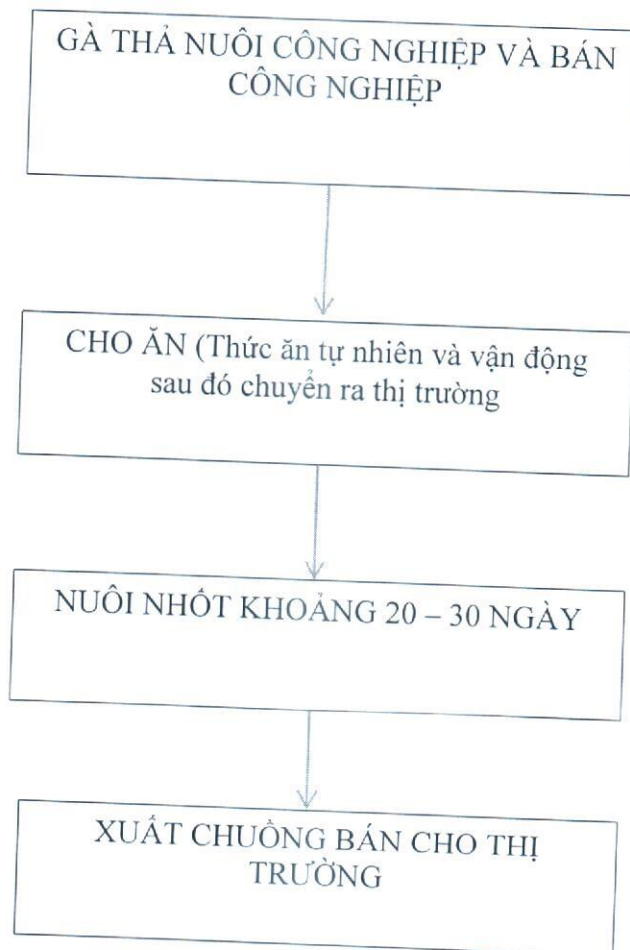
- Quy trình chăn nuôi gà thả vườn được trình bày tóm tắt trong hình 1





Hình 1. Quy trình chăn nuôi gà thả vườn

\* Quy trình chăn nuôi gà thả nuôi công nghiệp hoặc bán công nghiệp được trình bày tóm tắt trong hình 2



Hình 2. Quy trình chăn nuôi gà

**Thuyết minh quy trình nuôi gà thịt:**

Chuẩn bị chuồng nuôi và xử lý lớp đệm lót. Trong dự án Khu cách ly gà thương phẩm, gồm 4 dãy chuồng được xây dựng ngăn cách độc lập và được điều chỉnh phù hợp với không gian cần thiết cho đàn gà theo từng giai đoạn. Gà được chăm sóc nuôi dưỡng bán tự động hoặc chăn nuôi thủ công đảm bảo thức ăn và nước uống cung cấp cho gà không bị rơi vãi, gây mùi hôi và hao phí nguyên liệu đầu vào.

Trước khi tiến hành nuôi gà, chuồng nuôi được rải trấu lên toàn bộ nền chuồng dày khoảng 10 cm và được phun thuốc sát trùng, sau đó thả gà vào.

Gà giống mua về khỏe mạnh có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, nuôi và chăm sóc gà trong giai đoạn này là rất quan trọng và cần thiết trong quá trình chăn nuôi gà, nó quyết định đến năng suất, chất lượng đàn gà sau này. Nếu để gà con giai đoạn mới mua về thiếu nhiệt, gà sẽ yếu dần, tỷ lệ chết cao.

- Ở giai đoạn nuôi: Nhiệt độ bên trong chuồng nuôi được tạo thoáng mát bằng cách thực hiện quá trình trao đổi nhiệt tại các tấm giấy làm mát bố trí tại đầu chuồng nuôi như sau: nước làm mát được bơm lên phía trên các tấm giấy làm mát rồi chảy len lõi qua vách trao đổi nhiệt của các tấm giấy làm mát, hơi lạnh sẽ được phân bố rộng trong khắp chuồng nuôi bằng 04 quạt hút bố trí cuối chuồng nuôi. Lượng nước làm mát này sẽ được tuần hoàn sử dụng lại và bổ sung thêm khi bị hao hụt. Để đảm bảo cách ly sinh học chuồng nuôi thì trại chăn nuôi được xây dựng hàng rào cách biệt với bên ngoài để bảo đảm hạn chế người và động vật từ bên ngoài xâm nhập vào trại. Đồng thời bố trí thêm dây cây xanh xung quanh trại chăn nuôi.

Lớp trấu độn trong chuồng nuôi: Ban đầu lớp trấu độn không có phối trộn với chế phẩm sinh học, sau 7-10 ngày nuôi rắc đều trên bề mặt lớp trấu độn chế phẩm sinh học BALASA-N01 đã được ủ (1kg BALASA-N01 phối trộn với 3kg cám gạo, cho thêm khoảng 1-2 lít nước sạch ủ trong 2-3 ngày, sử dụng cho 50m<sup>2</sup> chuồng nuôi). Tác dụng của nhóm vi khuẩn trong nền đệm lót: Nhóm vi khuẩn có hoạt tính cao, phân giải mạnh các chất thải động vật (phân và nước tiểu) để chuyển hóa thành các chất vô hại (không có mùi). Đồng thời nhóm vi khuẩn lại sử dụng các chất khí thải độc hại như NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S để sinh trưởng phát triển và ức chế được vi khuẩn có hại (như nhóm vi khuẩn gây bệnh đường ruột E.coli, Salmonella...). Nhóm vi sinh vật này thích ứng cao trong môi trường có nhiệt độ cao, giữa các vi sinh vật có mối quan hệ cộng sinh và hỗ trợ lẫn nhau để sinh trưởng, duy trì sự ổn định về số lượng và hoạt tính trong thời gian dài ở trong nền đệm lót. Chính vì vậy nhóm vi sinh vật đã tiêu hủy hoàn toàn chất thải, làm giảm thiểu các khí độc và mùi hôi trong chuồng nuôi, tạo môi trường trong sạch không ô nhiễm, giảm vi sinh vật gây hại, do đó con vật sống thoải mái, giảm căng thẳng và có sức đề kháng cao. Cơ chế khử mùi: vi sinh vật sử dụng trực tiếp đạm thừa trong phân, trong thức ăn rơi vãi ... có khả năng hấp phụ rất mạnh thành phần khí thối ở mức cao nhất. Ức chế và tiêu diệt vi khuẩn lên men gây thối khó chịu: NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, Amin hữu cơ, vi sinh vật có ích ức chế và tiêu diệt được vi khuẩn lên men gây thối là do:

- + Sự áp đảo về số lượng tế bào rất lớn
- + Sự cạnh tranh các chất dinh dưỡng
- + Sự sản sinh ra các các chất kháng vi khuẩn thối

Trong quá trình nuôi sẽ làm phát sinh nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi lần xuất bán, chất thải rắn trong chăn nuôi bao gồm: phân và chất độn, vỏ bao thức ăn, xác vật nuôi chết, vỏ, chai lọ, hộp giấy có lẫn thuốc thú y, kim tiêm,... và khí thải (mùi hôi), tiếng ồn sẽ được trình bày rõ ở phần sau.

### **3.3. Sản phẩm của cơ sở:**

Mỗi năm, cung cấp cho thị trường khoảng 80.000-100.000 con gà thương phẩm/năm

## **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:**

### **4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu**

Các loại vắc xin, thuốc phòng trị bệnh cho gà: khoảng 50 kg/năm, các loại vắc xin, thuốc phòng trị bệnh. Trấu lót chuồng: Với tổng diện tích chuồng nuôi là 6000m<sup>2</sup> và lớp trấu độn từ 10cm thì lượng trấu lót chuồng cần sử dụng cho mỗi đợt nuôi khoảng 600m<sup>3</sup> tương đương khoảng 150 tấn/đợt nuôi.

### **4.2. Nhu cầu sử dụng điện**

- Nguồn cấp điện: Nguồn điện cung cấp điện cho cơ sở được lấy từ hệ thống lưới điện của khu vực cấp đến tủ điện tổng của công trình (đặt tại khu vực cầu thang tầng 1) bằng 01 đường cáp ngầm lõi đồng cách điện XLPE/DSTA ký hiệu CU/XLPE/DSTA/PVC (3C×70+1×50mm<sup>2</sup>) luồn trong ống nhựa xoắn HDPE D105/85 đi ngầm đất để vào vị trí đặt tủ điện tổng (TĐ.T). Từ tủ điện tổng này cấp đến các tủ điện tầng 1, 2, 3 và cho hệ thống bơm sinh hoạt, chiếu sáng ngoài nhà.

### **4.3. Nhu cầu sử dụng nước**

Nguồn nước sử dụng cho dự án là nước cấp của khu vực với nhu cầu sử dụng cho các mục đích sử dụng nước như sau:

- Nước cấp cho sinh hoạt: Theo TCXDVN 33:2006, tổng lượng nước sử dụng cho sinh hoạt tính trung bình cho một người là 60lít/người-ngày (Đối tượng dùng nước ở vùng nông thôn). Công nhân làm việc tại dự án là 03 người. Tổng lượng nước cấp của 03 công nhân được ước tính là 0,18m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước cấp cho gà uống: Theo nghiên cứu của Viện Chăn nuôi gà con nhỏ hơn 4 tuần tuổi ở nhiệt độ chuồng nuôi 30-33 °C, gà lớn hơn 4 tuần tuổi ở nhiệt độ chuồng nuôi 22-25 °C thì nhu cầu nước có tỷ lệ với thức ăn là 2/1.

### **4.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất và chế phẩm sinh học**

Hóa chất sử dụng để sát trùng chuồng trại và phương tiện ra vào dự án chủ yếu là Cloramin B với khối lượng sử dụng 5 tấn/năm

## Chương II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Dự án nằm trên địa bàn thôn 2 Thanh Tân, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy. Nằm cách đường Quốc lộ 1A khoảng 2km về phía Đông Bắc, cách trung tâm thị trấn Kiến Giang khoảng 5,5km về phía Bắc. Do vậy, giao thông giữa cơ sở với các vùng khác tương đối thuận lợi.

Ngoài ra cơ sở nằm cách xa khu vực dân cư nên không ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của cộng đồng dân cư, xung quanh khu vực cơ sở không có các công trình kiến trúc, di tích văn hóa lịch sử. Với những đặc điểm tự nhiên KT - XH trên tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở “Khu cách ly gà thương phẩm”.

Khi dự án đi vào hoạt động sẽ góp phần giúp phát triển kinh tế và xã hội khu vực, giúp cung cấp gà thương phẩm có chất lượng cao cho khu vực, góp phần thực hiện chiến lược giúp phát triển kinh tế, tạo ra mô hình cụ thể phù hợp với quy hoạch và chủ trương chính sách chung, tạo ra việc làm cho người dân tại địa phương góp phần vào việc phát triển tăng tốc chung của xã Thanh Thủy nói riêng và huyện Lệ Thủy nói chung.

Chính vì vậy, việc lựa chọn vị trí dự án “Khu cách ly gà thương phẩm” của hộ ông Hoàng Thế Trung là phù hợp với điều kiện kinh tế tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực.

#### 2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hoạt động của dự án phát sinh ít nước thải, chủ yếu phát sinh vào cuối đợt nuôi, lượng nước thải phát sinh được xử lý theo quy định và xả vào ao trong dự án không xả ra nguồn nước mặt bên ngoài dự án nên không tác động đến nguồn nước mặt của khe Bà Ngọt phía Nam trang trại.

### Chương III

## HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

Chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án được trình bày chi tiết tại Mục 3 Chương này.

Hiện trạng tài nguyên sinh vật khu vực thực hiện dự án như sau:

*Hiện trạng động, thực vật trên cạn:* Thực vật: xung quanh khu vực dự án gồm các loại cây bụi, tràm

Động vật:

- Các loài thú: Chỉ có các loài thú nhỏ chủ yếu như: Chuột đồng, chuột nhắt.
- Lưỡng cư, bò sát: Nhóm lưỡng cư có thành phần loài tương đối cao và số lượng khá nhiều, đặc biệt là các loài ếch, cóc,.... Nhóm thằn lằn kém đa dạng về thành phần loài, tuy nhiên trong đó có nhiều loài số lượng khá lớn và là loài hữu ích cho nông nghiệp.
- Côn trùng: Côn trùng ở vùng này không nhiều về thành phần loài mà còn ít về số lượng cá thể.

*Hiện trạng động thực vật dưới nước* Chủ yếu là các loài cá chịu phèn tốt. Thành phần loài có xu hướng gia tăng số lượng loài, gia tăng số lượng cá thể, mở rộng vùng phân bố (mở rộng sinh cảnh) vào mùa mưa và giảm tính đa dạng (giảm số lượng loài, giảm số lượng, thu hẹp vùng phân bố) trong mùa khô. Xung quanh khu vực thực hiện Dự án không có các khu bảo vệ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, danh mục các loại động vật, thực vật hoang dã, được ưu tiên bảo vệ. Do đó, khi dự án được xây dựng và đi vào hoạt động hầu như tác động không đáng kể đến tài nguyên sinh học khu vực này.

**2. Mô tả về nguồn tiếp nhận nước thải của dự án.** Hoạt động của dự án phát sinh ít nước thải, chủ yếu phát sinh vào cuối đợt nuôi, lượng nước thải phát sinh được xử lý theo quy định và xả vào ao trong dự án không xả ra nguồn nước mặt bên ngoài dự án nên không tác động đến nguồn nước mặt của khu vực .

#### 2.1. Địa lý:

Khu vực thực hiện dự án nằm ở thôn 2 Thanh Tân, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy .

**Địa chất:** Phân đất của dự án thuộc nhóm đất cát pha, là loại đất nhẹ, ẩm, khô và chứa ít chất dinh dưỡng. Điều này là do tỷ lệ cát cao và ít sét trong đất cát. Loại đất này có khả năng thoát nước nhanh, dễ đào xới và nóng lên nhanh hơn vào mùa xuân so với đất sét. Tuy nhiên, đất cát có xu hướng khô hạn vào mùa hè và dễ bị rửa trôi do mưa. Cấu trúc của đất cát rất rời rạc và có các lỗ rỗng lớn. Điều này cho phép rễ cây di chuyển dễ dàng trong đất, giúp cây phát triển rễ sâu và khỏe

*Cơ sở: Khu cách ly gà thương phẩm*

*Địa điểm: thôn 2 Thanh Tân, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy*

manh hơn. Đồng thời, các lỗ rỗng cũng tạo điều kiện cho không khí lưu thông tốt, giúp cây trồng hấp thụ oxy và nitơ dễ dàng

## 2.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng:

Khu vực dự án nằm trên địa phận xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình nên mang những nét đặc điểm chung của khí hậu vùng trung du nói chung và huyện Lệ Thủy nói riêng:

Theo “Khí hậu và thủy văn tỉnh Quảng Bình” do TS. Nguyễn Đức Lý, KS. Ngô Hải Dương, KS. Nguyễn Đại (Đồng chủ biên), nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, năm 2023 thì khí hậu của vùng này có những đặc điểm chính như sau:

### \* Nhiệt độ không khí:

- Nhiệt độ không khí khu vực chịu sự chi phối của khí hậu chuyển tiếp giữa hai miền Nam - Bắc với miền khí hậu đặc trưng là khí hậu nhiệt đới gió mùa. Khí hậu được chia thành 2 mùa: mùa lạnh và mùa nóng.

- Mùa lạnh: Mùa lạnh bắt đầu từ tháng XI năm trước đến tháng III năm sau. Nhiệt độ trung bình ngày ổn định dưới  $20^{\circ}\text{C}$ . Thời kỳ này chịu sự chi phối của gió mùa Đông Bắc.

- Mùa nóng: Mùa nóng bắt đầu từ tháng IV đến tháng X. Nhiệt độ trung bình ngày ổn định ban ngày cao hơn  $25^{\circ}\text{C}$ . Thời kỳ này chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng, nhiệt độ cực đại có khi lên đến  $39,0^{\circ}\text{C} - 40,0^{\circ}\text{C}$ .

Ngoài ra, có 2 khoảng thời gian chuyển tiếp, đó là thời gian chuyển từ mùa lạnh sang mùa nóng và thời gian chuyển từ mùa nóng sang mùa lạnh:

+ Bình quân nhiệt độ các tháng như sau:

**Bảng 1.1: Đặc trưng nhiệt độ tháng trung bình nhiều năm khu vực (Trạm đo Lệ Thủy)**

3. (Đơn vị tính:  $^{\circ}\text{C}$ )

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Nhiệt độ trung bình												
Nhiệt độ	18.7	19.3	21.6	24.8	27.9	29.5	29.6	28.8	27.0	24.8	22.1	19.4
Nhiệt độ cao nhất trung bình												
Nhiệt độ	21.8	22.1	24.8	28.8	32.3	33.8	33.9	33.0	30.7	28.0	25.3	22.5
Nhiệt độ thấp nhất trung bình												
Nhiệt độ	16.6	17.4	19.6	22.5	24.9	26.3	26.4	25.8	24.3	22.5	20.0	17.3

4. (Nguồn: Khí hậu và thủy văn tỉnh Quảng Bình)

Nhiệt độ trung bình năm của khu vực  $24,6^{\circ}\text{C}$ , nhiệt độ cao nhất tuyệt đối (tháng VII)  $40,6^{\circ}\text{C}$ , nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối (tháng XII) là  $7,6^{\circ}\text{C}$ .

Cơ sở: Khu cách ly gà thương phẩm

Địa điểm: thôn 2 Thanh Tân, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy

**\* Lượng mưa:**

Lượng mưa khu vực tuy lớn nhưng lại phân bố không đều các tháng trong năm, từ tháng II đến VII thường ít mưa, tổng lượng mưa các tháng này chiếm từ 25% - 30% tổng lượng mưa năm. Thời kỳ ít mưa nhất là các tháng I, II, III, IV, lượng mưa chủ yếu tập trung vào các tháng IX, X, XI chiếm từ 65% tổng lượng mưa năm. Lượng mưa trung bình năm 1.992,5mm.

**Bảng 1.2: Lượng mưa lớn nhất trong một ngày trong các tháng (Trạm đo Lệ Thủy)**

(Đơn vị tính: mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
L. mưa	76,5	48,5	60,6	69,6	168,2	245,9	128,1	329,6	413,7	357,1	366,4	213,0

**\* Độ ẩm:**

- Độ ẩm trung bình hằng năm khoảng 70% - 90%. Có hai mùa khô và ẩm khá rõ rệt, mùa ẩm cao từ tháng IX đến tháng V năm sau với độ ẩm trung bình từ 80% - 90%, từ tháng VI đến tháng VIII với độ ẩm trung bình từ 70% - 79%.

- Vào mùa khô độ ẩm tương đối xuống thấp dưới 50%, thậm chí có những năm xuống dưới 30% là điều kiện bất lợi cho môi trường sống và sức khỏe con người.

**5. Bảng 1.3: Độ ẩm tương đối trung bình tháng (Trạm đo Lệ Thủy)**

6. Đơn vị tính: %

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Độ ẩm	88	90	89	87	82	75	74	78	86	88	87	87

7. (Nguồn: Khí hậu và thủy văn tỉnh Quảng Bình)

**\* Gió:**

- Khu vực thực hiện Dự án mang tính chất chung của khí hậu nhiệt đới gió mùa là gió mùa Đông và gió mùa Hè. Có 2 mùa gió chính là gió mùa đông (Đông Bắc) và gió mùa hè (Tây Nam).

- Gió mùa Đông: Kéo dài từ tháng X đến tháng I năm sau. Hướng gió thịnh hành là gió Đông Bắc, xen giữa các đợt gió Đông Bắc là gió Đông hoặc Đông Nam nhưng với tần suất không đáng kể.

- Gió mùa Hè: Hướng gió thịnh hành là gió Tây Nam từ tháng V đến tháng VIII. Ngoài ra còn gió Đông và Đông Nam thổi xen kẽ từ biển vào. Nhìn chung gió Đông Nam có tốc độ thấp, trừ trường hợp giông bão, sức gió mạnh nhất có thể lên tới cấp V, VI.

**8. Bảng 1.4: Tốc độ gió trung bình tháng(Trạm đo Lệ Thủy)**

(Đơn vị tính: m/s)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
-------	---	----	-----	----	---	----	-----	------	----	---	----	-----

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

<b>Trạm Đồng Hới</b>	3,3	2,8	2,5	2,4	2,6	2,7	3,0	2,4	2,5	3,3	3,5	3,2
--------------------------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

(Nguồn: Khí hậu và thủy văn tỉnh Quảng Bình)

\* **Nắng:**

Số giờ nắng trong năm khu vực miền núi dao động từ 1.800 giờ đến 1.820 giờ, tháng có số giờ nắng ít nhất là tháng II với số giờ nắng khoảng 66,7 giờ, tháng có số giờ nắng nhiều nhất là tháng V - VII với số giờ nắng trên 221,4 giờ.

Tổng bức xạ trung bình năm là 120,8 Kcal/cm<sup>2</sup>

Lượng bức xạ mặt trời (Kcal/cm<sup>2</sup>.tháng) và tổng số giờ nắng trung bình tháng qua các năm được thể hiện trong bảng dưới đây

**Bảng 1.5: Số giờ nắng trung bình tháng (Trạm đo Lệ Thủy)**

(Đơn vị tính: h)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Số giờ	87,2	66,7	108,2	168,4	229,1	221,4	239,1	201,7	165,4	139,6	95,9	85,4

\* **Bão và áp thấp nhiệt đới**

Khu vực Trung Trung Bộ tuy số lượng bão và áp thấp nhiệt đới ít hơn khu vực phía Bắc Bắc Bộ nhưng diễn biến của chúng rất phức tạp do địa hình cũng như các tháng có bão chính ở khu vực này thường xuất hiện những hệ thống thời tiết khác tác động kết hợp: như gió mùa Đông Bắc, đới gió Đông...

Tuy nhiên một số cơn bão không nằm trong một phạm vi ảnh hưởng của một khu vực nhất định, một địa phương nhất định, Có những cơn bão ảnh hưởng cả mấy tỉnh, có những cơn đi dọc bờ biển, phạm vi ảnh hưởng của bão là rất rộng. Vì vậy, việc xác định cụ thể phạm vi ảnh hưởng trực tiếp của bão và áp thấp nhiệt đới đối với một địa phương nhất định, một khu vực cụ thể chỉ ở phạm vi tương đối.

Nếu quy định mùa bão gồm những tháng có số bão trung bình đạt từ 8% số bão trung bình năm trở lên thì mùa bão ở Việt Nam bắt đầu từ tháng VII đến tháng XI. Riêng khu vực Quảng Bình mùa bão từ tháng VIII đến tháng X. Tần suất bão lớn nhất trong tháng VIII: 17%, tháng IX: 41%, tháng X: 26%. Tuy vậy đã có năm xuất hiện bão trong các tháng VI, VII.

### **3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:**

Để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường trong khu vực thực hiện Dự án, Chủ dự án kết hợp với đơn vị có chức năng tiến hành khảo sát, lấy mẫu hiện trạng chất lượng môi trường không khí, đất, nước mặt, tại khu vực Dự án vào các ngày sau: Ngày 26/12/2023, Ngày 27/12/2023, Ngày 28/12/2023. Kết quả

Cơ sở: Khu cách ly gà thương phẩm

Địa điểm: thôn 2 Thanh Tân, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy

phân tích hiện trạng chất lượng môi trường không khí tại khu vực thực hiện Dự án được xem là môi trường nền đặc trưng và sẽ là cơ sở để so sánh, đánh giá những thay đổi về chất lượng môi trường do hoạt động của Dự án gây ra.

### 3.1. Hiện trạng chất lượng môi trường không khí

- Ngày khảo sát lấy mẫu: Ngày 26/12/2023, Ngày 27/12/2023, Ngày 28/12/2023.

- Vị trí lấy mẫu: Khu vực trung tâm khu đất thực hiện dự án

Kết quả khảo sát và đo đạc chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án kèm theo phiếu kết quả thử nghiệm như sau:

Bảng 3. 5. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí

9. 5. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí

Kết quả	Thông số		
	Bụi lơ lửng	NH <sub>3</sub>	H <sub>2</sub> S
<b>Đợt 1 ngày 26/12/2023</b>			
KK1	0,129	0,015	0,012
<b>Đợt 2 ngày 27/12/2023</b>			
KK1	0,128	0,015	0,012
<b>Đợt 3 ngày 28/12/2023</b>			
KK1	0,124	0,015	0,012
<b>QCVN 05:2023/BTNMT</b>	<b>0,3</b>	<b>0,2</b>	<b>0,042</b>

**Ghi chú:** QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

**Nhận xét:** Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí khu vực thực hiện Dự án cho thấy các chỉ tiêu đo đạc đều thấp hơn quy chuẩn quy định QCVN 05:2023/BTNMT. Chứng tỏ không khí khu vực Dự án chưa bị ô nhiễm.

### 4. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm tự nhiên khu vực thực hiện dự án:

Với đặc điểm tự nhiên như trên, việc lựa chọn vị trí xây dựng dự án là hoàn toàn phù hợp vì khu vực thực hiện dự án có nhiều lợi thế như sau:

- Dự án nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, có chế độ nhiệt, ẩm, mưa, gió khá điều hòa.

- Địa hình tương đối bằng phẳng. Địa chất công trình tương đối tốt. Các lớp đất đã ổn định, khả năng biến dạng tương đối thấp.

- Giao thông đường bộ kết nối thuận tiện

- Hiện trạng môi trường không khí, đất, nước khu vực thực hiện dự án còn rất tốt nên việc đầu tư dự án là phù hợp.

## CHƯƠNG IV

### ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

**2.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng**  
Dự án được thực hiện trên phần đất thuê của hộ ông Nguyễn Văn Phóng và các cơ sở hạ tầng đường giao thông, các hệ thống khu vực chuồng nuôi đã được ông Nguyễn Văn Phóng thực hiện xây dựng hoàn chỉnh cho nên các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng đã hoàn chỉnh.

**2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.**

**a. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải**

*\* Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt*

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án ít khoảng  $0,54\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ , được thu gom xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn

Dự án sẽ xây dựng bể tự hoại 03 ngăn với kích thước theo tính toán như sau:

Thể tích bể tự hoại:  $V_{\text{Bê}} = V_{\text{Nước}} + V_{\text{Bùn}}$

Trong đó:  $V_{\text{Nước}} = k \times Q$

k: Hệ số lưu lượng, chọn  $k = 2$

Q: Lưu lượng nước thải,  $Q = 0,54 \text{ m}^3 / \text{ngày.đêm}$

$V_{\text{Nước}} = 2 \times 0,54 = 1,08 \text{ m}^3$

$V_{\text{bùn}}$  tính theo công thức sau:

$$V_{\text{bùn}} = \frac{m \times N \times t \times (100 - P_1) \times 0,7 \times 112 \times (100 - P_2)}{100.000}$$

Trong đó:

+ m: Quy chuẩn cặn lắng cho 1 người ( $0,4 - 0,5 \text{ l/người.ngày.đêm}$ ); Chọn  $m = 0,4$ ;

+ N: Số người sử dụng bể tự hoại: 03 người;

+ t: Thời gian tích lũy cặn lắng trong bể ( $180 - 365 \text{ ngày.đêm}$ ); chọn  $t = 180$ ;

+ 0,7: Hệ số tính đến 30% cặn để phân giải;

+ 1,2: Hệ số giữ lại bùn cặn lên men sau khi hút;

+  $P_1$ : Độ ẩm trung bình của cặn tươi = 95%;

+  $P_2$ : Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại = 90%

$$V_{\text{bùn}} = \frac{0,4 \times 3 \times 180 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - 90)}{100.000}$$

$$V_{\text{bê}} = 1,08 + 0,42 = 1,5 \text{ m}^3$$

Dự án sẽ xây dựng 01 bể tự hoại 03 ngăn, bể có thể tích  $3\text{m}^3$  Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật 3 ngăn hoặc để đúc hình trụ tròn, nước thải từ khu vệ sinh dẫn về bể tự hoại và lần lượt đi qua các ngăn trong bể. Ngăn đầu tiên có chứa năng tách chất rắn ra khỏi nước thải. Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng

chảy sang ngăn thứ 2. Ở ngăn này, cặn lắng xuống đáy, vi sinh vật kỵ khí phát triển mạnh phân hủy các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ 3 để lắng toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải. Trong bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

*\* Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải chăn nuôi*

Nước thải chăn nuôi phát sinh tại dự án ít, chủ yếu phát sinh vào cuối đợt nuôi, tổng lưu lượng nước thải phát sinh tại dự án khoảng 1,5m<sup>3</sup>/đợt nuôi. Chủ dự án sẽ đầu tư 02 hố để xử lý lắng nước thải chăn nuôi phát sinh từ dự án với lượng nước thải ít, hầu như không ảnh hưởng đến môi trường do dự án nằm trong vùng đất rừng nên đã hạn chế ô nhiễm mùi hôi, nước thải phát sinh sau mỗi đợt xuất chuồng sẽ được dẫn về hố lắng, sau khi lắng công nhân sẽ sử dụng để tưới cây trong khu vực dự án.

*\* Giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:*

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

Nước mưa được thu gom và thoát ra ao nuôi các trong khuôn viên dự án

### **b. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

*Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển*

Các giải pháp khống chế ô nhiễm bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển được áp dụng như sau:

- Ưu tiên sử dụng nhiên liệu sạch, có chứa hàm lượng lưu huỳnh thấp;
- Quy định khu vực làm việc riêng cho từng loại xe, không chở quá tải, dùng nhiên liệu đúng thiết kế của động cơ, thường xuyên kiểm tra và bảo trì đảm bảo tình trạng kỹ thuật xe tốt;
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ đối với các phương tiện vận chuyển thuộc tài sản của chủ dự án, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các loại khí thải;
- Quy định thời gian làm việc, tránh tập trung cùng lúc nhiều phương tiện vận chuyển gây tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm không khí;
- Thường xuyên quét dọn, tưới nước đường vận chuyển và sân bãi, đặc biệt là những ngày nắng nóng nhằm hạn chế lượng bụi phát sinh vào không khí.
- Đường nội bộ, sân bãi được đổ đá và thường xuyên phun nước để hạn chế sự phát tán bụi do phương tiện vận chuyển gây ra. Khi chạy trong khuôn viên Dự án các phương tiện đều phải giảm tốc độ.
- Thường xuyên kiểm tra và sửa chữa khu vực sân, đường bị xuống cấp có khả năng phát sinh bụi.

*\* Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do khí thải từ máy phát điện dự phòng*

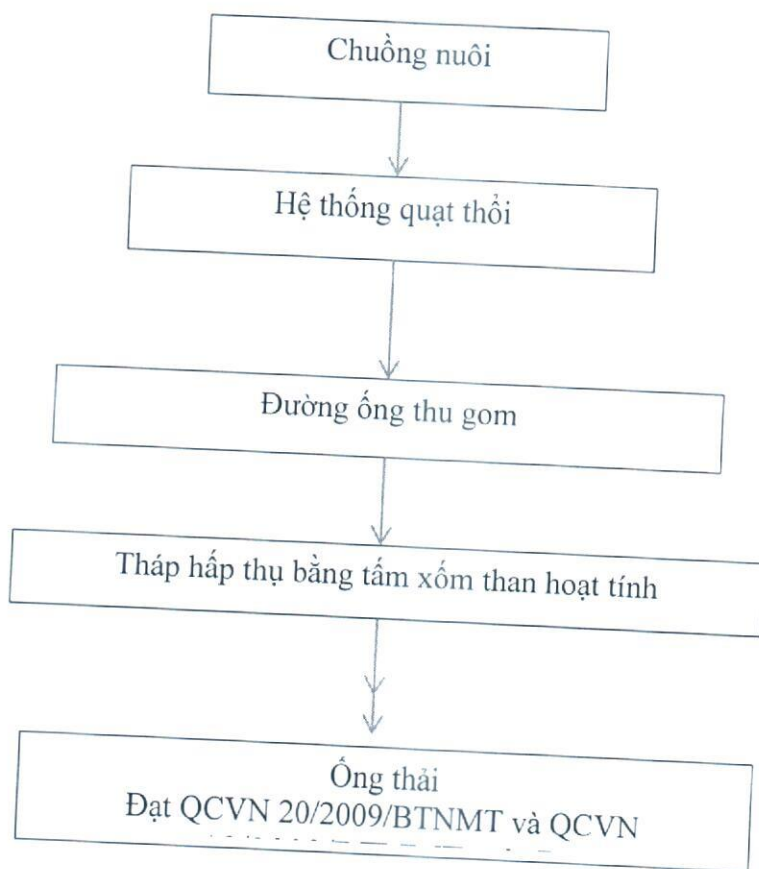
Khí thải của máy phát điện dự phòng cũng là nguồn phát sinh gây ô nhiễm môi trường không khí. Tuy nhiên, máy phát điện chỉ hoạt động trong trường hợp gặp sự cố mất điện. Bên cạnh đó, qua kết quả tính toán nồng độ các chất ô nhiễm không khí thì hoạt động của máy phát điện đốt dầu DO có nồng độ thấp hơn QCVN 19:2009/BTNMT. Tuy nhiên, để giảm thiểu đến mức tối đa các chất ô nhiễm từ hoạt động thì Dự án sử dụng các biện pháp sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Sử dụng loại dầu có tỷ lệ %S thấp (dầu DO, 0,05%S) để giảm thiểu nồng độ SO<sub>2</sub> trong khí thải.
- Dự án sẽ ưu tiên sử dụng lưới điện vì lý do kinh tế và môi trường
- Máy phát điện dự phòng sẽ được lắp đặt tại vị trí thích hợp, cách biệt khu vực tập trung công nhân
- Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi bị cúp điện hoặc xảy ra sự cố liên quan đến lưới điện.
- Xây dựng phòng đặt máy hợp lí cho máy phát điện dự phòng.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện.

*\* Khí thải từ chuồng nuôi và nhà vệ sinh*

Để giảm thiểu mùi hôi và khí thải sinh ra từ chuồng nuôi chủ dự án đề ra một số biện pháp sau: Xây dựng chuồng trại là hệ thống chuồng kín. Sử dụng chế phẩm sinh học BALASA-N01 trộn vào trấu độn để khử mùi hôi và nhanh chóng phân hủy sinh học phân gà, đồng thời trong quá trình nuôi định kỳ 1 tuần/lần dự án có phun chế phẩm sinh học EM để khử mùi hôi chuồng trại. Bên cạnh đó để giảm thiểu ảnh hưởng mùi hôi đến xung quanh dự án sẽ đặt hệ thống xử lý khí thải cho mỗi chuồng nuôi (01 chuồng nuôi gồm 02 quạt thổi), hệ thống đảm bảo thu gom xử lý toàn bộ khí thải chuồng nuôi với quy trình như sau:



Hình. Sơ đồ quy trình xử lý bụi, mùi hôi chuồng nuôi

**Thuyết minh quy trình:** Bụi và mùi phát sinh từ chuồng nuôi sẽ được quạt hút hút theo hệ thống thu gom qua hệ thống tháp hấp phụ bằng tấm xôm than hoạt tính, các chất ô nhiễm sẽ được hấp phụ trên bề mặt tấm xôm than hoạt

tính và dòng khí sạch sẽ theo ống khói thải ra môi trường xung quanh, khí thải đầu ra sau hệ thống xử lý đạt QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B,  $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 1,2$  và QCVN 20:2009/BNTMT,  $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 1,2$ .

Tấm xốp than hoạt tính định kỳ 06 tháng sẽ thay than mới và tấm xốp than cũ được thu gom xử lý như chất thải nguy hại.

Thống kê các hạng mục công trình của hệ thống xử lý khí thải cho chuồng nuôi như sau:

Bảng 4. 30. Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý khí thải

STT	Hạng mục	Quy cách	Số lượng
1	Quạt hút	4.500m <sup>3</sup> /h	02 cái
2	Ống dẫn khí	D=1.000mm, dài 2m; tole mạ kẽm	01 cái
3	Tháp hấp phụ	D = 1,8m, H = 2,55m, tông chiều dày tấm xốp than hoạt tính 0,3m (03 lớp, mỗi lớp 0,1m)	01 cái
4	Ống khói	D = 0,7m, cao 2m (tính từ mái chuồng nuôi)	01 cái

Ngoài ra, dự án còn áp dụng các giải pháp sau để giảm thiểu mùi hôi từ chuồng:

- Hệ thống thông gió luôn đảm bảo hoạt động tốt không gây ứ đọng mùi, hơi ẩm trong khu vực chăn nuôi.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý khí thải đảm bảo không xảy ra hiện tượng rò rỉ khí.

- Hàng rào cây xanh xung quanh ngoài việc tạo bóng râm còn có tác dụng hấp thu khí thải và tái tạo oxy cho môi trường.

- Định kỳ 1 tuần/lần phun thuốc sát trùng (cloramin B) xung quanh khu vực chuồng nuôi để hạn chế mùi hôi và dịch bệnh.

Cloramin B rất nhạy cảm với mắt, cơ quan hô hấp và da, đặc biệt là màng nhày. Khi làm việc với Cloramin B, phải sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân như: trang thiết bị bảo vệ da, bảo vệ mắt và nơi làm việc. Khi tiếp xúc với dung dịch hóa chất, nhất thiết phải dùng găng tay và phải luôn luôn dùng các thiết bị bảo vệ cá nhân, khi chúng bị hỏng phải thay thế ngay. Trong khi làm việc phải luôn luôn chú ý đến các nguyên tắc vệ sinh cá nhân, đặc biệt không được ăn uống và hút thuốc trong lúc làm. Trước bữa ăn và sau khi hoàn thành công việc, cần phải vệ sinh da bằng nước ấm và xà phòng. Những vùng da bị nhiễm độc cũng có thể được điều trị bằng kem đặc trị.

\* Giảm thiểu ô nhiễm mùi hôi từ khu vực chứa rác

Rác phát sinh từ hoạt động của dự án sẽ được thu gom trong các thùng chuyên dụng có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định. Rác thải sẽ được thu gom trong ngày tránh để ủ qua đêm làm phát sinh các chất gây mùi không cần thiết, hạn chế thu hút các loại côn trùng gây bệnh cho người và động vật như: Ruồi, Muỗi, Gián, Chuột,..., tần suất thu gom rác thải là 1 lần/ngày

### c. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

\* Phân gà + trấu độn

Phân gà phát sinh trong quá trình nuôi được thu gom định kỳ trùng với

thời điểm xuất bán gà chuẩn bị nhập lứa gà mới. Toàn bộ số phân gà thu gom và chất độn (trấu) hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định,...Sau khi thu gom xong tiến hành vệ sinh chuồng trại, phun thuốc sát trùng để chuẩn bị nuôi lứa tiếp theo trong chu kỳ nuôi. Phân sau khi thu gom xong hợp đồng ngay với đơn vị chức năng thu gom xử lý cam kết không lưu phân tại dự án quá 24h.

\* *Vỏ bao thức ăn:*

Vỏ bao thức ăn được tận dụng để chứa phân;

\* *Xác gà chết sinh học*

\* *Xác gà chết sinh học*

**Cách 1:**

Xác gà chết được sát trùng và cho vào tủ đông, định kỳ bán cho các hộ nuôi trong khu vực để làm phân hoặc sử dụng thức ăn cho động vật hoặc đào hố chôn lấp khử trùng đảm bảo vệ sinh môi trường

Gà chết sinh học tại cơ sở được sát trùng bằng thuốc Biosep T, sau đó đưa vào tủ đông lạnh. Những ưu điểm của thuốc sát trùng Biosep T là:

- An toàn với chuồng trại khi có vật nuôi.
- Hiệu quả cao kể cả trong môi trường có chất hữu cơ.
- Không ăn mòn dụng cụ và chuồng trại.
- Thuốc từ phân hủy không gây ô nhiễm môi trường.
- Cách sử dụng: 10 ml thuốc pha trong 1 lít nước và tiến hành phun trực tiếp lên xác vật nuôi.

Nguyên tắc sử dụng thuốc:

- Đọc kỹ và thực hiện đúng theo hướng dẫn.
- Pha đúng nồng độ theo yêu cầu của nhà sản xuất.
- Xịt thuốc đủ ướt lên bề mặt vật nuôi.
- Không để thuốc đậm đặc dính vào mắt.

**Cách 2:** Gà chết không do dịch bệnh

Gà chết không do dịch bệnh sẽ được xử lý bằng hầm huỷ xác với quy trình như sau:



Hình 3.3: Quy trình xử lý xác gà chết không do dịch bệnh

Thuyết minh quy trình xử lý xác gà chết không dịch bệnh bằng hầm huỷ xác:

Gà chết không dịch bệnh phát sinh từ dự án sẽ được chuyển ngay ra khu vực hầm huỷ xác.

Khu vực huỷ xác: Khu vực huỷ xác được bố trí bên trong khu đất của dự án biệt lập và cách xa với khu vực chuồng nuôi. Trang trại bố trí và xây dựng hầm huỷ xác có kết cấu bê tông chống thấm hoặc hồ có lót bạt, cửa đóng kín với kích thước: Dài x rộng x sâu = 3m x 3m x 1,5m hầm huỷ được chia thành 2 ngăn nằm liền nhau, mỗi ngăn có kích thước 1,5m x 1,5m x 1,5m, có 2 cửa (mỗi ngăn 1 cửa), để bỏ xác gà chết, cánh cửa bằng tôn, với kích thước dài x rộng: 1,5m x 1,5m. Bề mặt hầm huỷ xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Quy trình huỷ xác:

- Bước 1: Sau khi hoàn tất công tác bố trí và xây dựng hầm huỷ xác, tiến hành rải vôi bột làm lớp lót đáy của hầm huỷ xác.

- Bước 2: Cho xác động vật và sản phẩm động vật cần tiêu huỷ xuống hầm.

- Bước 3: Rải một lớp vôi bột lên lớp xác vừa được đưa vào hầm. Tuỳ theo số lượng xác để rải vôi bột.

- Bước 4: Đóng cửa sau khi thực hiện các bước trên. Sau khi bị chết, xác động vật sẽ được phân huỷ tương tự quá trình vô cơ hoá chất hữu cơ trong tự nhiên.

- Bước 5: Phía ngoài khu vực hầm huỷ xác, tạo một rãnh nước với kích thước: rộng 20 – 30cm và sâu 20 – 25 cm, có tác dụng dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hầm huỷ xác.

- Bước 6: Trên bề mặt hầm huỷ xác, rắc vôi bột với lượng 0,8kg/m<sup>2</sup> hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 – 0,25 lít/m<sup>2</sup> để hạn chế khả năng phát tán mùi và nguy cơ bệnh dịch nếu có trong quá trình thao tác.

- Bước 7: Khi lượng xác gà tại ngăn 1 đầy, công ty tiến hành bỏ xác gà vào ngăn thứ 2. Trong thời khoảng 3 – 6 tháng thì xác gà tại ngăn 1 đã phân huỷ và sẽ được đem đi bón cây.

\* Giảm thiểu ô nhiễm do rác thải sinh hoạt:

Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,5kg/ngày, được cơ sở xử lý như sau:

- Bố trí 01 thùng rác 60 lít để thu gom rác thải sinh hoạt.

- Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt này sẽ được thu gom hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương thu gom hàng ngày và vận chuyển xử lý chất thải theo đúng quy định.

\* Giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án bao gồm: giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại, bóng đèn quỳnh quang hỏng, chất thải có khả năng lây nhiễm thành phần nguy hại (vỏ chai, hộp giấy, bao bì, chai lọ, kim tiêm chứa thuốc thú y) được thu gom và quản lý đúng theo quy định

- Dự án sẽ bố trí khu vực để chứa chất thải nguy hại có diện tích 3 m<sup>2</sup>, kết cấu: nền bê tông xi măng, vách xây bloc, mái lợp.

Bên trong có chứa chất thải nguy hại sẽ bố trí các thùng rác để lưu giữ chất thải nguy hại riêng từng loại đúng theo mã chất thải nguy hại.

- Định kỳ hàng năm lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại gửi Sở Tài

nguyên và Môi trường để kiểm tra theo dõi quản lý, đồng thời hợp đồng với vị chức năng để xử lý chất thải nguy hại đúng quy định.

- Riêng đối với gà chết do dịch bệnh sẽ được xử lý theo quy định của thú y (Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016).

**d. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường**

\* Giảm thiểu tiếng ồn, rung từ hoạt động chăn nuôi

Hàng ngày, thức ăn được công nhân cho thức ăn vào máng ăn vào buổi sáng và buổi chiều, không trùng với giờ nghỉ.

Tiếng ồn trong lúc xuất chuồng là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên do diện tích xây dựng dự án rộng, lại nằm, giữa rừng cây, xa khu vực sinh sống của người dân nên tiếng ồn không ảnh hưởng đến xung quanh chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân trong dự án. Chủ dự án cần trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

Thường xuyên bảo trì các loại máy móc thiết bị phát sinh tiếng ồn tại dự án, đảm bảo các thiết bị ở tình trạng tốt nhất khi vận hành.

\* Giảm thiểu tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng:

Mặc dù máy phát điện dự phòng được thiết kế với các thiết bị chống ồn và rung đi kèm nhưng Chủ dự án vẫn áp dụng các biện pháp sau để giảm thiểu tác động về tiếng ồn và độ rung:

- Máy phát điện dự phòng được lắp đặt tại vị trí thích hợp.
- Xây dựng phòng đặt máy hợp lý cho máy phát điện dự phòng.
- Bảo trì định kỳ và kiểm tra dầu mỡ để hạn chế tiếng ồn.

\* Giảm thiểu tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển

Các phương tiện vận chuyển ra vào dự án thấp nên độ ồn hầu như không đáng kể. Tuy nhiên chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau để hạn chế đến mức thấp nhất độ ồn phát sinh:

- Nhắc nhở lái xe giảm tốc độ, hạn chế sử dụng còi khi ra vào dự án;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì phương tiện vận chuyển;

**đ. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành**

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải: Nước thải phát sinh tại dự án ít nên dự án không đầu tư các công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố nước thải. Tuy nhiên dự án sẽ thực hiện các giải pháp sau để phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố nước thải:

- Quá trình hoạt động của hệ thống xử lý chất thải vẫn có khả năng bị hư hỏng hay không đạt yêu cầu. Vì vậy, Chủ dự án cử nhân viên thường xuyên theo dõi, vận hành hệ thống chất thải.

**3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

Bảng. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường
I	Công trình bảo vệ môi trường
1	Hầm tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt,
	Khu vực chứa chất thải nguy hại 3m <sup>2</sup>

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

2	
3	Hệ thống xử lý khí thải chuồng nuôi công suất 4.500m <sup>3</sup> /h:
<b>II</b>	<b>Biện pháp bảo vệ môi trường</b>
<b>1</b>	<b>Đối với nước thải</b>
1.1	Biện pháp quản lý nước mưa chảy tràn
<b>2</b>	<b>Đối với bụi, khí thải</b>
2.1	Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng
2.2	Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyên
2.3	Biện pháp giảm thiểu mùi hôi khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt, nhà vệ sinh
<b>3</b>	<b>Chất thải rắn công nghiệp</b>
3.1	Biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt
3.2	Biện pháp quản lý chất thải thông thường (phân, trấu độn, vỏ thức ăn, gà chết sinh học
3.3	Biện pháp quản lý chất thải nguy hại
<b>4</b>	<b>Các tác động không liên quan đến chất thải</b>
4.1	Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường: Các công trình bảo vệ môi trường sẽ được xây dựng song song với quá trình xây dựng dự án, thời gian dự kiến như sau:

Bảng. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Kế hoạch thực hiện
1	Hầm tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt	Từ tháng 12/2023 đến tháng 1/2024
2	Khu vực chứa chất thải nguy hại	Từ tháng 12/2023 đến tháng 1/2024
3	Hệ thống xử lý khí thải chuồng nuôi công suất 4.500m <sup>3</sup> /h	Từ tháng 1/2024 – tháng 4/2024

- Kế hoạch tổ chức các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Bảng. Kế hoạch tổ chức các biện pháp bảo vệ môi trường khác

STT	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch thực hiện
<b>I</b>	<b>Công trình bảo vệ môi trường</b>	Trong suốt quá trình hoạt động của dự án
<b>1</b>	<b>Đối với nước thải</b>	
1.1	Biện pháp quản lý nước mưa chảy tràn	
<b>2</b>	<b>Đối với bụi, khí thải</b>	
2.1	Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng	
2.2	Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyên	
2.3	Biện pháp giảm thiểu mùi hôi khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt, nhà vệ sinh	
<b>3</b>	<b>Chất thải rắn công nghiệp</b>	

Cơ sở: Khu cách ly gà thương phẩm

Địa điểm: thôn 2 Thanh Tân, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

3.1	Biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt	
3.2	Biện pháp quản lý chất thải thông thường (phân, trấu độn, vỏ thức ăn, gà chết sinh học)	
3.3	Biện pháp quản lý chất thải nguy hại	
4	<b>Các tác động không liên quan đến chất thải</b>	
4.1	Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	

- Dự toán kinh phí với từng công trình bảo vệ môi trường:

Trên cơ sở đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường, các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động, chủ dự án dự kiến kinh phí đối với các công trình bảo vệ môi trường như sau:

Bảng. Dự toán kinh phí với từng công trình bảo vệ môi trường

1	Hầm tư hoại xử lý nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh	1	Hầm	10.000.000
3	Kho chứa chất thải nguy hại,	1	cái	5.000.000
4	Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải	3	HT	600.000.000
<b>Tổng kinh phí</b>				<b>615.000.000</b>

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường: Dự án có quy mô nhỏ nên được thực hiện theo hình thức chủ đầu tư tự quản trong quá trình chăn nuôi.

Chủ dự án sẽ là người quản lý chung tất cả các công việc trong trại chăn nuôi. Ngoài ra, tại dự án còn có người quản lý trực tiếp để quản lý khi chủ dự án đi vắng. Người quản lý trực tiếp kiểm tra, giám sát các công nhân làm việc trong trại nuôi. Tổng số người hoạt động tại dự án khoảng 03 người.

Công nhân sẽ là người trực tiếp chăm sóc gà (cho ăn, vệ sinh chuồng trại,...).

+ Thu gom rác thải thông thường: Dự án bố trí 01 nhân viên vệ sinh để thu gom rác thải và tập kết rác thải để đơn vị chức năng đến thu gom vận chuyển đến bãi rác tập trung. Quản lý trại sẽ giám sát quá trình này.

+ Thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại: Nhân viên vệ sinh sẽ thu gom các loại CTNH về lưu trữ tại kho chứa CTNH. Quản lý trại là người kiểm tra, nhắc nhở quá trình này. Việc thuê, giám sát quá trình thu gom vận chuyển CTNH đi xử lý của đơn vị có chức năng do Chủ dự án thực hiện.

+ Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải cho mỗi chuồng nuôi để giảm thiểu ảnh hưởng của mùi hôi đến môi trường xung quanh, công nhân phụ trách sẽ theo dõi quá trình vận hành của hệ thống này.

#### 4. Nhận xét về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo.

Các đánh giá về các tác động môi trường tại khu vực dự án vừa có tính chính xác, cụ thể và độ tin cậy cao vừa khái quát được các tác động. Phần đánh giá về nguồn gây tác động đã nêu được những nguồn gây tác động trong giai đoạn vận hành của dự án. Phần này đã liệt kê một cách chi tiết các

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải và các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải, định lượng, cụ thể hóa từng nguồn phát thải và so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành.

---

*Cơ sở: Khu cách ly gà thương phẩm*

*Địa điểm: thôn 2 Thanh Tân, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy*

**Chương V**

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:** Không có

**2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:**

a. Nguồn phát sinh khí thải: Bụi và mùi hôi từ chuồng nuôi

+ Nguồn số 01: Bụi và mùi hôi từ chuồng nuôi 1, lưu lượng 6.000m<sup>3</sup>/h

+ Nguồn số 02: Bụi và mùi hôi từ chuồng nuôi 2, lưu lượng 6.000m<sup>3</sup>/h

+ Nguồn số 03: Bụi và mùi hôi từ chuồng nuôi 3, lưu lượng 6.000m<sup>3</sup>/h

+ Nguồn số 04: Bụi và mùi hôi từ chuồng nuôi 4, lưu lượng 6.000m<sup>3</sup>/h

b. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 24.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; tương đương 1000m<sup>3</sup>/giờ (tính theo 24 giờ)

- Dòng khí thải: 04 dòng từ 04 ống thải của hệ thống xử lý khí thải chuồng nuôi.

Bảng: Các thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm theo dòng khí thải

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp = 0,9, Kv = 1,2)
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	216
2	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	8,1
3	NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	54

e. Vị trí, phương thức xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: Thôn 2 Thanh Tân, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy.

Tọa độ vị trí xả thải: Ống thải 1: 17016'15,002"N; 106047'24,048"E

Ống thải 2: 17016'23,004"N; 106047'30,035"E

Ống thải 3: 17016'30,006"N; 106047'40,068"E

Ống thải 4: 17016'37,003"N; 106047'50,037"E

- Phương thức xả khí thải: Xả cưỡng bức.

**3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:** Không

**Chương VI**  
**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

**1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư**

**1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

*Bảng Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm*

TT	Tên công trình	Công suất dự kiến	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Hệ thống xử lý bụi, mùi chuồng nuôi 1, 2, 3, 4,	100% công suất thiết kế	Tháng 2/2024	Tháng 4/2024

**1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý các công trình, thiết bị xử lý chất thải**

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải

*Bảng. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải*

TT	Vi trí quan trắc	Số lượng mẫu quan trắc	Thời gian thực hiện
1	Hệ thống xử lý bụi, mùi chuồng nuôi 1, 2, 3, 4	Mỗi hệ thống quan trắc ít nhất 3 mẫu trong 3 ngày liên tục	3 ngày liên tục đầu tháng 4/2024

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng, địa chỉ Tổ dân phố 10, Phường Bắc Lý, TP Đồng Hới.

**Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.**

**2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:**

- \* Giám sát nước thải
  - Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng N, Tổng Coliforms;
  - Vị trí giám sát: Tại ao sinh học (Ký hiệu: NT1, NT2)
  - Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
  - Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi; Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:
- \* Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:
  - Vị trí giám sát: 04 điểm tại ống thải của hệ thống xử lý của 04 chuồng nuôi (Ký hiệu KT1, KT2, KT3, KT4);
  - Thông số giám sát: H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, Bụi,
  - Tần suất lấy mẫu: 06 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B,  $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 1,2$  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20: 2009/BTNMT,  $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 1,2$  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

**2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:** Không

**2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án:** Không.

**3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.**

Kinh phí thuê đơn vị có chức năng quan trắc hàng năm của dự án ước tính khoảng 10 triệu đồng/năm.

### Chương VIII

## CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Chủ dự án cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Chủ dự án cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Xử lý mùi hôi phát sinh đạt QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B,  $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 1,2$  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20: 2009/BTNMT,  $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 1,2$  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

- Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường, nguy hại theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022

### Chương VIII

## CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Chủ đầu tư cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, vận hành thường xuyên các công trình xử lý nêu trong báo cáo. Cam kết xử lý bụi, khí thải và các chất thải khác đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành như đã nêu tại chương IV báo cáo.

- Chủ cơ sở cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan cơ sở. Cam kết thực hiện các quy định của pháp luật về công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, hóa chất và các quy định khác có liên quan hoạt động của cơ sở.

- Chủ cơ sở cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của cơ sở.

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng;*

*Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng

Địa chỉ: 86/60 Vũ Trọng Phụng, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Điện thoại: 0948.888.676 – 02323.901.999

Email: tnmt.minhhoang@gmail.com

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 263**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày 26. tháng 6... năm 2026.

Số: 2023/KQTN-D1226-K226

Ban hành lần: 01

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : Hộ chăn nuôi Hoàng Thế Trung  
2. Địa điểm/ Address : Hộ chăn nuôi Hoàng Thế Trung - Thôn 2, Thanh Tân, Thanh Thủy, Lệ Thủy  
3. Tên mẫu/ Name of sample : Không Khí  
4. Mã mẫu/ Sample code : KK536.2/26122023  
5. Số lượng/ Quantity : 01  
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 26/12/2023  
7. Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 04/01/2024

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/Result	QCVN 05: 2023/ BTNMT
				K	
1	Bụi lơ lửng	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	0,129	0,3
2	NH <sub>3</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293:1995	<0,015	0,2
3	H <sub>2</sub> S	mg/m <sup>3</sup>	MASA 701	<0,012	0,042

### Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:

+ K: Tại trung tâm trại chăn nuôi, Tọa độ: 17016'18,002"N; 106047'24,048"E

- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ);

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**  
Head of Laboratory



Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2024

**GIÁM ĐỐC**  
Director



Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) chưa được công nhận Vimcerts và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

Số: 2023/KQTN-D1227-K227

Ban hành lần: 01

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Customer : Hộ chăn nuôi Hoàng Thế Trung
- Địa điểm/ Address : Hộ chăn nuôi Hoàng Thế Trung - Thôn 2, Thanh Tân, Thanh Thủy, Lệ Thủy
- Tên mẫu/ Name of sample : Không Khí
- Mã mẫu/ Sample code : KK536.2/27122023
- Số lượng/ Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/12/2023
- Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 04/01/2024

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/Result	QCVN 05: 2023/ BTNMT
				K	
1	Bụi lơ lửng	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	0,128	0,3
2	NH <sub>3</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293:1995	<0,015	0,2
3	H <sub>2</sub> S	mg/m <sup>3</sup>	MASA 701	<0,012	0,042

### Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:

+ K: Tại trung tâm trại chăn nuôi, Tọa độ: 17016'18,002"N; 106047'24,048"E

- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ);

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
Head of Laboratory

Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director

Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) chưa được công nhận Vimcerts và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

Số: 2023/KQTN-D1228-K228

Ban hành lần: 01

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Customer : Hộ chăn nuôi Hoàng Thế Trung
- Địa điểm/ Address : Hộ chăn nuôi Hoàng Thế Trung - Thôn 2, Thanh Tân, Thanh Thủy, Lệ Thủy
- Tên mẫu/ Name of sample : Không Khí
- Mã mẫu/ Sample code : KK536.2/28122023
- Số lượng/ Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 28/12/2023
- Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 04/01/2024

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/Result	QCVN 05: 2023/ BTNMT
				K	
1	Bụi lơ lửng	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	0,124	0,3
2	NH <sub>3</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293:1995	<0,015	0,2
3	H <sub>2</sub> S	mg/m <sup>3</sup>	MASA 701	<0,012	0,042

### Ghi chú:

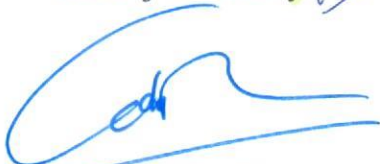
- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:

+ K: Tại trung tâm trại chăn nuôi, Tọa độ: 17016'18,002"N; 106047'24,048"E

- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ);


**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**  
Head of Laboratory




**Trương Văn Dũng**

Quảng Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2024

**GIÁM ĐỐC**  
Director



**Trần Thị Ngọc Bé**



- (-) Không quy định  
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) chưa được công nhận Vimcerts và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.  
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN LẤY MẪU HIỆN TRƯỜNG**

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2023

Tại: ..... Hà An Ninh ..... Huyện Thủ Đức  
Địa chỉ: ..... Thủ Đức ..... Thành Phố Hồ Chí Minh

**Chúng tôi gồm:**

**Đại diện đơn vị lấy mẫu:** Công ty TNHH TN và MT Minh Hoàng

Ông( Bà): Trần Minh Hoàng Chức vụ: .....

Ông( Bà): ..... Chức vụ: .....

**Đại diện đơn vị được lấy mẫu:** ..... Huyện Thủ Đức .....

Ông( Bà): ..... Chức vụ: .....

Ông( Bà): ..... Chức vụ: .....

**Đại diện đơn vị giám sát:** .....

Ông( Bà): ..... Chức vụ: .....

Ông( Bà): ..... Chức vụ: .....

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

**Điều kiện thời tiết/khí tượng khi đo đạc lấy mẫu:**

..... Trời nắng nhẹ .....

**Điều kiện hoạt động của cơ sở đo đạc lấy mẫu:**

..... Đang vận hành bình thường .....

**Nội dung đo đạc lấy mẫu**

STT	Kí hiệu/ Vị trí đo đạc lấy mẫu	Điều kiện bảo quản
1	Phải Trung tâm (chưa được nuôi, K/K)	Bảo quản lạnh, nguyên vẹn
2		